

Số: 206 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2014

KẾ HOẠCH

Đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên, giảng viên dạy nghề các trường dạy nghề công lập thuộc Thành phố giai đoạn 2015 - 2020

Thực hiện Chỉ thị số 37/-CT/TW ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2012; Căn cứ Quyết định số 57/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/5/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc sử dụng bồi dưỡng giáo viên dạy nghề; UBND Thành phố ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên, giảng viên dạy nghề các trường dạy nghề công lập thuộc Thành phố giai đoạn 2015 - 2020, nhằm thực hiện chuẩn hoá, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề của đội ngũ giáo viên dạy nghề, từng bước tiếp cận chuẩn nghề nghiệp giáo viên dạy nghề khu vực và thế giới, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô và đất nước.

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy nghề (gọi chung là giáo viên dạy nghề) theo hướng chuẩn hoá, nâng cao chất lượng, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục - đào tạo trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phát triển nhanh nguồn nhân lực kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong điều kiện hội nhập quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, trọng tâm là phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề có năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Chuẩn bị đội ngũ cán bộ, giáo viên dạy nghề có trình độ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề đủ khả năng tiếp nhận chuyên giao công nghệ, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu trong lộ trình xây dựng một số trường dạy nghề công lập của Thành phố thành trường chất lượng cao, đào tạo các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực, quốc gia vào năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội phê duyệt.

2. Yêu cầu

Các nghề đào tạo bồi dưỡng phải phù hợp với chiến lược phát triển đào tạo của trường, phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Thủ đô trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Tổ chức các khóa đào tạo, chủ yếu đào tạo bồi dưỡng trong nước, thực hiện đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài khi nội dung đào tạo bồi dưỡng cho giáo viên ở trong nước không đáp ứng được so với yêu cầu.

Lựa chọn giáo viên đào tạo bồi dưỡng tại nước ngoài có tính chất hạt nhân, nòng cốt. Giáo viên được chọn cử đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài phải có năng lực chuyên môn, có khả năng truyền đạt nội dung kiến thức đã được học cho đội ngũ giáo viên khác và có hướng công tác phục vụ công tác đào tạo nghề nghề lâu dài tại đơn vị.

Hình thức tổ chức và nội dung chương trình thực hiện đào tạo bồi dưỡng phải đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nhằm phát triển đội ngũ giáo viên về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, đạt chuẩn trình độ đào tạo về lý thuyết, thực hành, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề, có trình độ tin học, ngoại ngữ để áp dụng vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đảm bảo đạt tiêu chuẩn tỷ lệ giáo viên trên số lượng học sinh là 1/20.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2020 thực hiện đào tạo nâng cao kỹ năng nghề cho 753 lượt giáo viên của các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề thuộc Thành phố, trong đó đào tạo trong nước 626 lượt giáo viên, đào tạo tại nước ngoài 127 giáo viên.

III. NỘI DUNG

1. Đối tượng đào tạo bồi dưỡng

1.1. Đối tượng

Giáo viên dạy nghề là viên chức hoặc hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế có thời gian công tác liên tục tối thiểu là 3 năm trong lĩnh vực dạy nghề (nghề cử đi đào tạo) tính đến thời điểm lập kế hoạch.

1.2. Điều kiện chung

- Phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, lối sống:

+ Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu, có lối sống lành mạnh; có ý thức tổ chức kỷ luật, phấn đấu vì lợi ích chung;

+ Yêu nghề, tâm huyết với nghề; có tinh thần phấn đấu; tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, cơ sở, ngành;

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn (trong năm gần nhất) tính đến thời điểm được cử đi đào tạo bồi dưỡng.

+ Cam kết phục vụ lâu dài tại đơn vị (gấp tối thiểu 3 lần thời gian đào tạo bồi dưỡng). Trường hợp không thực hiện hoặc vi phạm cam kết phải đền bù chi phí đào tạo bồi dưỡng theo quy định.

- Năng lực chuyên môn:

+ Có Bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành, nội dung được cử đi đào tạo bồi dưỡng;

+ Có Bằng hoặc Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề phù hợp theo quy định của Luật Dạy nghề.

+ Có Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (tương đương trình độ C trở lên);

+ Có kinh nghiệm giảng dạy phù hợp với nghề được cử đi đào tạo bồi dưỡng tối thiểu là 01 năm (tính đến thời điểm lập kế hoạch).

- Độ tuổi:

+ Đối với các khóa đào tạo bồi dưỡng có thời gian dưới 02 tháng, yêu cầu giáo viên phải còn đủ tuổi công tác ít nhất 01 năm tính từ thời điểm khóa bồi dưỡng bắt đầu.

+ Đối với các khóa đào tạo bồi dưỡng có thời gian trên 02 tháng, yêu cầu giáo viên phải còn đủ tuổi công tác ít nhất 05 năm tính từ thời điểm khóa bồi dưỡng bắt đầu.

1.3. Điều kiện riêng với giáo viên cử đi đào tạo bồi dưỡng tại nước ngoài

- Tuổi đời: không quá 45 tuổi đối với Nữ, 50 tuổi đối với Nam.

- Có trình độ ngoại ngữ phù hợp, đáp ứng yêu cầu khi tham dự các khóa đào tạo bồi dưỡng nước ngoài.

- Cam kết phục vụ tại đơn vị từ 5 năm trở lên. Trường hợp không thực hiện hoặc vi phạm cam kết phải đền bù chi phí đào tạo bồi dưỡng theo quy định.

- Không cử giáo viên đã được hưởng thụ chương trình đào tạo bồi dưỡng do Tổng cục dạy nghề, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức đào tạo tại nước ngoài đối với các nghề trọng điểm.

- Một giáo viên chỉ được tham gia chương trình đào tạo bồi dưỡng một nghề, một lần được áp dụng trong cả giai đoạn 2015 - 2020.

2. Nội dung đào tạo bồi dưỡng

Nội dung đào tạo bồi dưỡng là kỹ năng chuyên môn nghề. Nội dung của từng khóa học được thiết kế theo từng mô đun đào tạo, theo chuyên đề phù hợp với nội dung trong chương trình đào tạo của từng nghề.

Nghề có giáo viên đi đào tạo bồi dưỡng là các nghề đơn vị được phép đào tạo ở trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề do Tổng cục dạy nghề, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp đối với trường cao đẳng nghề; Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội cấp đối với trường trung cấp nghề.

3. Thời gian đối với mỗi khóa đào tạo bồi dưỡng

Các khóa đào tạo bồi dưỡng được thực hiện không quá 3 tháng. Trường hợp khóa học có thời gian trên 3 tháng, phân kinh phí vượt quá thời gian quy định do đơn vị và giáo viên chịu trách nhiệm.

4. Phương thức tổ chức đào tạo bồi dưỡng

4.1. Trong nước (đơn vị tự tổ chức hoặc cử giáo viên đi học)

a) Quy định đối với trường hợp đơn vị tự tổ chức:

- Trên cơ sở chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt, các trường chủ động lựa chọn chuyên gia, cơ sở giáo dục - đào tạo phù hợp để tổ chức đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên. Chuyên gia giảng dạy là người nước ngoài hoặc trong nước có năng lực chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu đối với nghề đào tạo bồi dưỡng.

- Điều kiện tổ chức lớp học: số lượng học viên đảm bảo tối thiểu 10 học viên/01 lớp đối với chuyên gia giảng dạy là người trong nước; tối thiểu 20 học viên/01 lớp đối với chuyên gia giảng dạy là người nước ngoài. Học viên tham gia đối với một lớp đào tạo bồi dưỡng là giáo viên, giảng viên thuộc một hoặc nhiều trường trong 9 trường dạy nghề công lập của Thành phố.

- Địa điểm tổ chức lớp học: Trên địa bàn thành phố Hà Nội, do các trường lựa chọn phù hợp với điều kiện học tập của giáo viên và giảng dạy của chuyên gia.

- Hình thức thực hiện: Hàng năm trên cơ sở kế hoạch, chỉ tiêu, dự toán đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các trường thực hiện ký hợp đồng với chuyên gia, cơ sở giáo dục - đào tạo của Việt Nam hoặc nước ngoài có đủ điều kiện để đào tạo tại Việt Nam.

b) Quy định đối với trường hợp đơn vị cử giáo viên đi học:

Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề hàng năm được phê duyệt, các trường chủ động lựa chọn cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước có đủ điều kiện đào tạo hoặc với các đơn vị tự tổ chức đào tạo quy định tại Điểm a Mục 4.1 Phần III Kế hoạch này để ký hợp đồng đào tạo kỹ năng nghề cho giáo viên theo quy định.

Mỗi nghề cử đi đào tạo bồi dưỡng tối đa 5 giáo viên/ngành/trường tính cho cả giai đoạn 2015 - 2020.

4.2. Ngoài nước

- Trên cơ sở kế hoạch, chỉ tiêu, dự toán đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các trường chủ động lựa chọn cơ sở giáo dục - đào tạo nước ngoài có tư cách pháp nhân, phù hợp với năng lực, mục tiêu phát triển của trường, ngành và địa phương để ký hợp đồng đưa giáo viên đi đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài theo đúng đối tượng, trình tự và thủ tục theo quy định pháp luật.

- Các nghề được tổ chức đào tạo tại nước ngoài thuộc nhóm nghề quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26/8/2014 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, gồm:

- + *Nhóm nghề* Máy tính và Công nghệ thông tin.
- + *Nhóm nghề* Công nghệ kỹ thuật cơ khí.
- + *Nhóm nghề* Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông.
- + *Nhóm nghề* Dịch vụ thẩm mỹ.
- + *Nhóm nghề* Khách sạn, nhà hàng và Dịch vụ du lịch.

- Mỗi nghề cử đi đào tạo bồi dưỡng tại nước ngoài tối đa 3 giáo viên/ngành/trường tính cho cả giai đoạn 2015 - 2020.

- Các nước lựa chọn để cử giáo viên đi đào tạo bồi dưỡng phải đảm bảo có nền khoa học, công nghệ và giáo dục - đào tạo tiên tiến phù hợp với nghề nhà trường đang đào tạo.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Tổng hợp chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và dự trù kinh phí đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2015 - 2016 và từng năm (*chi tiết theo Biểu 1*)

2. Hàng năm có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng theo từng nghề đối với mỗi giáo viên theo chỉ tiêu (*chi tiết theo Biểu: từ số 2 đến 10*)

V. KINH PHÍ

1. Nhu cầu kinh phí đào tạo

Tổng kinh phí giai đoạn 2015 - 2020 là: 82.834.000.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, tám trăm ba mươi tư triệu đồng)

2. Nguồn kinh phí thực hiện đào tạo

- Nguồn ngân sách Thành phố.
- Nguồn kinh phí đóng góp của các trường (nếu có).
- Nguồn huy động khác (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm hướng dẫn trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm theo lộ trình, trên cơ sở kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chi tiết của các trường, trình UBND Thành phố phê duyệt, triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ và các đơn vị liên quan đề xuất, cử giáo viên, giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đề xuất kinh phí từ ngân sách trình UBND Thành phố bố trí kinh phí.

- Phối hợp với các cơ sở dạy nghề tham gia công tác đào tạo bồi dưỡng của Thành phố triển khai thực hiện kế hoạch.

- Chỉ đạo các trường dạy nghề trực thuộc Thành phố triển khai thực hiện kế hoạch của Thành phố.

- Tổng hợp tiến độ kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên, báo cáo UBND Thành phố.

2. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan rà soát, thẩm định chỉ tiêu kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên trình Thành phố phê duyệt.

- Đề xuất, ban hành chính sách đãi ngộ đối với giáo viên, giảng viên trong thời gian đào tạo.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội bố trí kinh phí và các cơ chế chính sách thúc đẩy xã hội hóa thực hiện kế hoạch theo quy định hiện hành.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng chế độ, định mức kinh phí phù hợp với tình hình thực tế và quy định nhà nước hiện hành trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND Thành phố bố trí kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với cơ sở dạy nghề, các đơn vị liên quan thẩm định dự toán, thanh quyết toán kinh đào tạo bồi dưỡng giáo viên theo quy định tài chính hiện hành.

5. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ năng lực của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên của Thành phố.

Phối hợp với các cơ sở dạy nghề trong và ngoài nước tham gia kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên để hướng dẫn các thủ tục hồ sơ xuất, nhập cảnh theo quy định hiện hành.

6. Đối với các cơ sở dạy nghề

- Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên dạy nghề tổng thể giai đoạn 2015 - 2020 được phê duyệt, xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm của đơn vị gửi Sở Lao động Thương binh và xã hội (trước ngày 01 tháng 6 hàng năm) tổng hợp trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đề xuất kinh phí từ ngân sách và cơ chế thúc đẩy xã hội hóa thực hiện kế hoạch của UBND Thành phố.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên (đưa giáo viên đi đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài hoặc mời chuyên gia nước ngoài vào đào tạo bồi dưỡng cho giáo viên của trường) theo đúng đối tượng, điều kiện, đúng quy định và đảm bảo an toàn, hiệu quả.

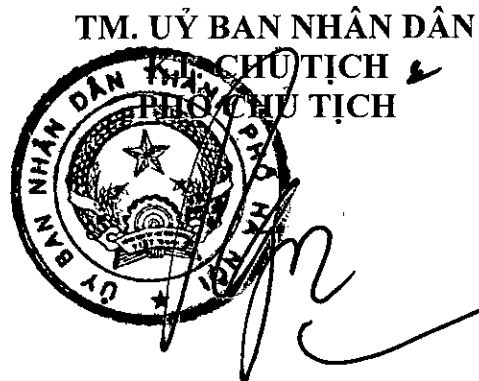
- Sử dụng hợp lý đội ngũ giáo viên dạy nghề sau đào tạo bồi dưỡng và tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên phát huy được các kiến thức, kỹ năng đã được học áp dụng trong quá trình đào tạo nghề của trường. Đồng thời, chịu trách nhiệm về hiệu quả sau đào tạo bồi dưỡng giáo viên.

- Thực hiện thanh quyết toán kinh phí đào tạo bồi dưỡng theo đúng quy định tài chính hiện hành.

Trên đây là kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên, giảng viên dạy nghề các trường dạy nghề công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2015-2020. Yêu cầu các sở, ngành các trường dạy nghề tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả, báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Lao động Thương binh và Xã hội để tổng hợp)/.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy; | đề
- Thường trực HĐND; | báo
- Đ/c Chủ tịch UBND TP; | cáo
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các sở, ngành: LĐTB&XH, KH&ĐT,
Nội vụ, Tài chính, GD&ĐT;
- Các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề
tham gia Kế hoạch (9 trường);
- VPUBTP: CVP, PCVP Đỗ Đình Hồng,
Phòng VX, TH;
- Lưu: VT, VX_(Tue).



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề của 9 Trường

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			2015		2016		2017		2018		2019		2020	
		Tổng	Tr. nước	Nước ngoài	Tr. nước	Nước ngoài	Tr. nước	Nước ngoài	Tr. nước	Nước ngoài	Tr. nước	Nước ngoài	Tr. nước	Nước ngoài	Tr. nước	Nước ngoài
1.	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	218	186	32	46	6	15	6	26	6	29	5	12	6	58	3
2.	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	137	94	43	15	9	24	9	17	9	17	6	9	5	12	5
3.	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	33	24	9	7		4	2	5	3	5		2	2	1	2
4.	Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội	20	14	6	4	3	4	3	4		2					
5.	Trường Trung cấp nghề Cơ khí I	36	29	7	9	3	7	2	5		6		2	2		
6.	Trường Trung cấp nghề Nấu ăn và nghiệp vụ Khách sạn Hà Nội	36	21	15	5		3	5	4	4	3	5	4	1	2	
7.	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội	105	90	15	11	4	11	3	14	2	9	3	33	3	12	
8.	Trường Trung cấp nghề Số 1 Hà Nội,	93	93	0	20		11		18		17		16		11	
9.	Trường Trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội	75	75	0	15		16		16		11		11		6	
Chỉ tiêu (Người):		753	626	127	132	25	95	30	109	24	99	19	89	19	102	10
Kinh phí (Triệu đồng):		82.834	24.414	58.420	5.148	11.500	3.705	13.800	4.251	11.040	3.861	8.740	3.471	8.740	3.978	4.600

Biểu 3

Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng	Tr. nước	Nước ngoài	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1.	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	6	6	0	1		2		1		1		1			
2.	Kế toán doanh nghiệp	6	6	0	2		1		1		1		1			
3.	Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính	7	7	0	1		1		2		1		1		1	
4.	Quản trị mạng máy tính	5	2	3							1	3			1	
5.	Thiết kế trang Web	6	3	3			1				1	3			1	
6.	Thiết kế đồ họa	5	2	3			1				1				3	
7.	CNTT(ứng dụng phần mềm)	4	1	3							3	1				
8.	Vẽ và Thiết kế trên máy tính	9	7	2	1		2		2		1			2	1	
9.	Quản trị cơ sở dữ liệu	9	6	3			2		1	3	1		1		1	
10.	Hàn	9	7	2	2		1		1		1		1		1	
11.	Cơ khí chế tạo	7	4	3			1		1		1			3	1	
12.	Công nghệ ô tô	10	7	3	2	3	1		2		1		1			
13.	Điện Công nghiệp	8	5	3	1	3	1		2		1					
14.	KT lắp đặt điện và điều khiển trong CN	9	6	3	1	3	1		2		1		1			
15.	Điện tử Công nghiệp	12	9	3	2		3		2	3	1				1	
16.	KT máy lạnh và điều hòa không khí	6	3	3	1			3			1				1	
17.	Cơ điện tử	8	5	3	1		2	3					1		1	
18.	Thiết kế các kiểu tóc	8	5	3	1		2	3					1		1	
19.	Chăm sóc sắc đẹp	5	5	0			2				1		1		1	
Tổng cộng:		137	94	43	15	9	24	9	17	9	17	6	9	5	12	5

Biểu 4

Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Hàn Quốc Hà Nội

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1.	Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính	1	1	0					1							
2.	Lập trình máy tính	1	0	1												1
3.	Quản trị mạng máy tính	1	1	0											1	
4.	Vẽ và thiết kế trên máy tính	1	1	0					1							
5.	Hàn	7	5	2	1		1		1		1		1	2		
6.	Cắt gọt kim loại	8	6	2	2		1		1	2	2					
7.	Công nghệ ô tô	4	3	1	1			1	1		1					
8.	Điện công nghiệp	4	4	0	1		1				1		1			
9.	Điện tử công nghiệp	2	1	1	1			1								
10.	Điện tử dân dụng	1	0	1												1
11.	Cơ điện tử	3	2	1	1		1			1						
Tổng cộng:		33	24	9	7		4	2	5	3	5		2	2	1	2

Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1.	Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính	14	14	0	4		4		4		2					
2.	Hàn	3	0	3		3										
3.	Công nghệ ô tô	3	0	3				3								
Tổng cộng:		20	14	6	4	3	4	3	4		2					

Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Trung cấp nghề Cơ khí I

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1.	Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính	3	3	0	1		1		1							
2.	Tin học văn phòng	4	4	0	1		1		1		1					
3.	Hàn	7	5	2	1		1		1		1		1	2		
4.	Cắt gọt kim loại	8	6	2	2		1	2	1		2					
5.	Nguội sửa chữa máy công cụ	2	2	0	1		1									
6.	Nguội chế tạo	2	2	0	1		1									
7.	Công nghệ ô tô	4	4	0	1		1		1		1					
8.	Điện công nghiệp	5	2	3	1	3					1					
Tổng cộng:		36	29	7	9	3	7	2	5		6		2	2		

Biểu 7**Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Trung cấp nghề Nấu ăn và nghiệp vụ Khách sạn Hà Nội**

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1.	KT chế biến món ăn	7	4	3	2			2		1	2					
2.	Pha chế đồ uống	4	1	3	1			1		1		1				
3.	Nghiệp vụ nhà hàng	3	1	2	1			1		1						
4.	Sản xuất bánh	5	2	3	1		1	1		1		1				
5.	Quản trị Khách sạn	3	2	1			1		1			1				
6.	Quản trị lữ hành	3	2	1			1		1			1				
7.	Nghiệp vụ bán hàng	3	3	0					1		1		1			
8.	Nghiệp vụ lễ tân	3	1	2					1			1		1		
9.	Nghiệp vụ lưu trú	2	2	0									1		1	
10.	Quản trị mạng máy tính	3	3	0									2		1	
Tổng cộng:		36	21	15	5		3	5	4	4	3	5	4	1	2	

Biểu 8

Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1.	Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính	5	2	3				3					1		1	
2.	Thiết kế đồ họa	6	3	3	1		1		1			3				
3.	Tin học văn phòng	5	5	0			1		1		1		1		1	
4.	Hàn	17	15	2	1		1			2	1		11		1	
5.	Cắt gọt kim loại	6	6	0			1		2		1		1		1	
6.	Điện công nghiệp	11	10	1	2	1	1		2		1		2		2	
7.	Điện tử công nghiệp	4	1	3		3							1			
8.	KT máy lạnh và điều hoà không khí	4	1	3			1							3		
9.	Kế toán doanh nghiệp	8	8	0	2		1		2		1		1		1	
10.	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	7	7	0	1		1		2		1		1		1	
11.	Máy thời trang	4	4	0	1				1				1		1	
12.	Kỹ thuật Điều khắc gỗ	16	16	0	1		1		1		1		11		1	
13.	Sản xuất hàng mây tre đan	6	6	0	1		1		1		1		1		1	
14.	Thêu ren mỹ thuật	6	6	0	1		1		1		1		1		1	
	Tổng cộng:	105	90	15	11	4	11	3	14	2	9	3	33	3	12	

Biểu 9**Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Trung cấp nghề Số 1 Hà Nội**

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1.	Quản trị mạng máy tính	9	9	0	1		1		2		2		2		1	
2.	Thiết kế trang Web	9	9	0	1		1		2		2		2		1	
3.	Quản trị cơ sở dữ liệu	10	10	0	2		1		2		2		2		1	
4.	Tin học văn phòng	9	9	0	1		1		2		2		2		1	
5.	Hàn	10	10	0	2		1		2		2		2		1	
6.	Cắt gọt kim loại	7	7	0	2		1		1		1		1		1	
7.	Điện công nghiệp	11	11	0	2		1		2		2		2		2	
8.	Cơ điện nông thôn	12	12	0	3		1		2		2		2		2	
9.	Kế toán doanh nghiệp	7	7	0	2		2		2		1					
10.	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	7	7	0	2		1		1		1		1		1	
11.	Máy thời trang	2	2	0	2											
Tổng cộng:		93	93	0	20		11		18		17		16		11	

Biểu 2

Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1.	Quản trị mạng máy tính	30	27	3	4		4		7		7		1	3	4	
2.	Thiết kế đồ họa	25	22	3	5		4		1		4		4		4	3
3.	Vẽ và thiết kế trên máy tính	14	11	3					10		1			3		
4.	Tin học văn phòng	51	51	0	15		5		6		5		5		15	
5.	Hàn	13	10	3		3					10					
6.	Cắt gọt kim loại	3	0	3								3				
7.	Nguội chế tạo	2	0	2								2				
8.	Công nghệ ô tô	33	30	3	2		2		2	3	2		2		20	
9.	Điện công nghiệp	23	20	3	20			3								
10.	Điện tử công nghiệp	18	15	3				3							15	
11.	KT máy lạnh và điều hoà không khí	3	0	3					3							
12.	Cơ điện tử	3	0	3		3										
Tổng cộng:		218	186	32	46	6	15	6	26	6	29	5	12	6	58	3

Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề: Trường Trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề														
		Giai đoạn 2015-2020			Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		<i>Tổng</i>	<i>Trong nước</i>	<i>Nước ngoài</i>	<i>Trong nước</i>	<i>Ngoài nước</i>	<i>Trong nước</i>	<i>Ngoài nước</i>	<i>Trong nước</i>	<i>Ngoài nước</i>	<i>Trong nước</i>	<i>Ngoài nước</i>	<i>Trong nước</i>	<i>Ngoài nước</i>	<i>Trong nước</i>	<i>Ngoài nước</i>
1.	Công nghệ may veston	27	27	0	7		7		7		2		2		2	
2.	May thời trang	34	34	0	4		7		7		7		7		2	
3.	Thiết kế thời trang	14	14	0	4		2		2		2		2		2	
Tổng cộng:		75	75	0	15		16		16		11		11		6	